TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **106**/2018/DS-PT
Ngày: 05/6/2018.
V/v: "Tranh chấp về thừa kế tài sản và kiện đòi lại tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Kim Rết

Các thẩm phán: Ông Ngô Thanh Sỹ

Ông Phạm Thành Dương

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thành Thủy – Thư ký Tòa án tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Mỹ Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 45/2018/TLPT-DS ngày 09 tháng 3 năm 2018, về "*Tranh chấp thừa kế tài sản, đòi lại tài sản*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2018/QĐ-PT ngày 05 tháng 4 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 204/2018/QĐPT-DS ngày 04/5/2018 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2018/QĐ-PT ngày 08 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Thòong M1**, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Số X1, tổ X2, ấp X3, xã X4, huyện X5, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông **Dương Quan B** (tên thường gọi P), sinh năm: 1957.

Địa chỉ: Số X6, tổ X2, ấp X3, xã X4, huyện X5, tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Dương Thị M1, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Tổ X7, ấp X8, xã X9, huyện X10, tỉnh Đồng Nai.

2/ Bà Vy Thị M3, sinh năm 1958.

HKTT: Số X6, tổ X2, ấp X3, xã X4, huyện X5, tỉnh Đồng Nai.

Tạm trú: Số X11, khu phố X12, thị trấn X5, huyện X5, tỉnh Đồng Nai.

3/ Anh Dương Anh T1, sinh năm 1984.

4/ Chị Ìn Nhọc V, sinh năm 1985.

5/ Cháu Dương Thiên K, sinh năm 2004 (con anh T1, chị V).

6/ Cháu Dương Thiên V2, sinh năm 2016 (con anh T1, chị V).

Cùng địa chỉ: Số X6, tổ X2, ấp X3, xã X4, huyện X5, tỉnh Đồng Nai.

7/ Chị Dương Ngọc H1, sinh năm 1981

8/ Chị Dương Ngọc H2, sinh năm 1983

9/ Anh Dương Anh P1, sinh năm 1986

Cùng địa chỉ: Số X11, khu phố X12, thị trấn X5, huyện X5, tỉnh Đồng Nai.

10/ Anh Dương Anh D1, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn X13, xã X14, huyện X15, tỉnh Bình Thuận.

11/ Ông Trần Văn C1, sinh năm 1972

12/ Bà Nguyễn Thị P2, sinh năm 1974

Cùng địa chỉ: Số X16, tổ X17, ấp X18, xã X4, huyện X5, tỉnh Đồng Nai.

13/ Ông Lê Gia Q, sinh năm 1959

14/ Bà Phạm Thị T2, sinh năm 1959

Cùng địa chỉ: Số X19, ấp X20, xã X20, huyện X21, tỉnh Đồng Nai.

15/ Ông Dương Thanh L1, sinh năm 1960

16/ Bà Nguyễn Thị Hồng C2, sinh năm 1960

Cùng địa chỉ: Số X23, tổ X24, ấp X25, xã X4, H. X5, tỉnh Đồng Nai.

17/ Ông Nguyễn M3, sinh năm 1948

18/ Bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1956

Cùng địa chỉ: Tổ X26, ấp X3, xã X4, huyện X5, tỉnh Đồng Nai.

19/ Ông Tìn Nhộc D2, sinh năm 1962

Địa chỉ: Số X1, tổ X2, ấp X3, xã X4, huyện X5, tỉnh Đồng Nai.

- *Người kháng cáo: bị đơn ông Dương Quan B.*

(Ông B, bà M3 có mặt; bà Thòong M1, bà Dương Thị M2 có đơn xin vắng mặt; các đương sự khác vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Theo lời trình bày của các đương sự, các tài liệu có tại hồ sơ và án sơ thẩm, nội dung vụ án tóm tắt như sau:

Nguyên đơn bà Thòong M1 trình bày:

Cha bà là cụ Dương Ven C3, chết năm 1970. Mẹ bà là cụ Thòong S, chết ngày 07/02/2012. Cha mẹ bà sinh được 04 người con gồm: Dương Quan B, Dương Thị M2, Thòong M1 và một người em nữa không nhớ tên, đã chết năm 1975 khi 10 tuổi.

Cụ S chết không để lại di chúc, di sản cụ để lại gồm: thửa đất số 187, tờ bản đồ số 17, thị trấn X5; các thửa đất số 116, 117, 152, 377 tờ bản đồ số 29 xã X4 và tài sản trên đất (gồm: 01 căn nhà cấp 4; 01 nhà máy xay xát và cây trồng trên đất);

số tiền 226.000.000đ.

Đối với các thửa đất số 116, 117, một phần thửa đất số 152 và 377, tờ bản đồ số 29 xã X4 có diện tích là 6900,8m^2 (đã trừ 3,1m^2 thu hồi) được giới hạn bởi các điểm 1, 2, 3, … 20, 21, 22, 1 theo trích lục và đo vẽ thửa đất bản đồ địa chính số 5840/2017 ngày 03/7/2017 và công văn số 609/VPĐK.TB về việc đính chính nội dung bản vẽ ngày 8/9/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh X5), đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Thòong S nhưng thực chất đây là tài sản riêng của cụ S vì: Các thửa đất này được cụ S tự khai phá năm 1972, thời điểm này cụ C3 đã mất, các anh chị em trong nhà còn nhỏ. Hiện nay di sản của cụ S để lại đều do ông Dương Quan B cùng vợ con đang quản lý, sử dụng.

Khi còn sống cụ S đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn M3 và bà Ngô Thị L2, ông Lê Gia Q và bà Phạm Thị T2 (sau này, vợ chồng ông Q chuyển nhượng lại cho ông Dương Thanh L1 và bà Nguyễn Thị Hồng C2), ông Trần Văn C1 và bà Nguyễn Thị P2, bà Thòong M1; tặng cho quyền sử dụng đất cho bà Thòong M1 và ông Tìn Nhộc D2 và thửa 152 bị thu hồi 3,1m^2. Đối với những phần đất này, bà không yêu cầu chia thừa kế.

Quá trình giải quyết vụ án, bà thay đổi yêu cầu khởi kiện: Không yêu cầu chia thừa kế đối với thửa đất số 187, trị giá cây trồng trên các thửa đất 116, 117, 152, 377 và phần diện tích đất 3,1m^2 đã thu hồi thuộc thửa 152. Bà yêu cầu được nhận trị giá di sản thừa kế. Riêng số tiền 226.000.000đ, bà không yêu cầu chia thừa kế.

Nay bà khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật cho 03 người con thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ S. Bà đồng ý chia 1/3 suất thừa kế để tính công sức đóng góp cho ông B.

Đối với lời khai của ông B tại phiên tòa ngày 27/9/2017 cho rằng cụ S có 02 người con riêng thì bà không biết, cũng chưa bao giờ nghe cụ S nói đến nên không thừa nhận về việc này.

Đối với yêu cầu phản tố của ông B về việc "Kiện đòi lại tài sản" là số tiền 226.000.000đ thì bà không đồng ý. Vì Số tiền này có được là do bán số vàng dành dụm của cụ S để lại khi chết. Ba anh em đã thống nhất gửi số tiền này vào Ngân hàng để sau này lo cúng giỗ, xây mộ cho cha mẹ. Số tiền này không phải là tài sản riêng của ông B.

Bị đơn ông Dương Quan B trình bày:

Cha ông là cụ Dương Ven C3, chết năm 1970. Mẹ ông là cụ Thòong S, chết ngày 07/02/2012. Cha mẹ ông sinh được 04 người con gồm: Dương Quan B, Dương Thị M2, Thòong M1 và một người em gái đã chết năm 1975 khi 10 tuổi, do tai nạn giao thông.

Di sản mà mẹ ông để lại gồm: thửa đất số 187, tờ bản đồ số 17, thị trấn X5; các thửa đất số 116, 117, 152, 377, tờ bản đồ số 29 xã X4 và tài sản trên đất (gồm: 01 căn nhà cấp 4; 01 nhà máy xay xát và cây trồng trên đất). Khi còn sống, cụ S đã cho Dương Anh P1 thửa đất 187 nhưng chưa kịp làm giấy tờ, các thửa đất 116, 117, 152, 377 và tài sản trên đất có nói miệng là giao lại cho ông quản lý, để dùng vào việc thờ cúng tổ tiên. Chính vì vậy, sau khi cụ S chết, vợ chồng ông đã quản lý, sử dụng các thửa đất trên và toàn bộ tài sản trên đất. Nay bà Thòong M1 và bà Dương Thị M2 yêu cầu chia thừa kế tài sản thì ông không đồng ý.

Ngày 16/11/2014, ông có nộp đơn phản tố đối với bà Thòong M1 về việc kiện đòi lại tài sản là số tiền 226.000.000đ. Ông cho rằng đây là số tiền do bán vàng mà có, số vàng này là tài sản riêng do ông dành dụm và gửi cho cụ S giữ. Khi cụ S chết thì ông gửi số vàng này cho bà Thòong M1 giữ dùm, sau đó đem bán được 226.000.000đ. Hiện số tiền này được gửi ở Ngân hàng đứng tên bà Dương Thị M2.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà Dương Thị M2 có yêu cầu độc lập: Về cha mẹ, hàng thừa kế và di sản thừa kế để lại thì bà thống nhất với lời khai của nguyên đơn. Mẹ bà chết không để lại di chúc nên yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo pháp luật. Bà có yêu cầu chia di sản của cụ S để lại là các thửa đất số 116, 117, 152, 377, tờ bản đồ số 29 xã X4 có diện tích là 6900,8m^2 và tài sản trên đất nhưng chỉ nhận trị giá 01 lô đất (ngang 5m dài 30m) là 375.000.000đ theo chứng thư thẩm định. Đối với phần còn lại mà đáng lẽ bà được hưởng thì bà từ chối nhận, để chia đều cho ông B và bà Thòong M1. Ngoài ra, bà không thừa nhận việc cụ S có 02 người con riêng vì bà không biết về sự việc này, trước đây cũng chỉ nghe ông B nói qua.

Đối với những thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Thòong M1, bà không có ý kiến gì, bà không bổ sung di sản thừa kế và không yêu cầu chia thêm di sản thừa kế nào khác.

Đối với yêu cầu phản tố của ông B về việc kiện đòi lại số tiền 226.000.000đ thì bà không đồng ý vì đây là số tiền có được do bán vàng của cụ S để lại, không phải là tài sản riêng của ông B. Ba anh em đã thống nhất gửi số tiền này vào Ngân hàng (hiện bà đang đứng tên), để sau này lo xây mộ cho cha mẹ. Ông B cho rằng số tiền này là tài sản riêng của ông là không chính xác và bà không đồng ý với yêu cầu này.

Bà Vy Thị M3: Bà là vợ của ông Dương Quan B và có ý kiến thống nhất với những lời khai của ông B. Bà có tên trong hộ gia đình tại thời điểm cấp giấy chứng nhận cho các thửa đất tranh chấp. Bà không đồng ý với yêu cầu chia thừa kế vì đất này được cấp cho Hộ bà Thòong S là tài sản chung của cả hộ gia đình và khi cụ S chết thì không để lại di chúc mà nói miệng để lại cho Dương Anh T1 (là con trai

bà). Hiện tại, các thửa đất số 116, 117, 152, 377, tờ bản đồ số 29, xã X4 và tài sản trên đất do vợ chồng bà, vợ chồng Dương Anh T1 đang quản lý, sử dụng.

Đối với yêu cầu phản tố: Khi cụ S chết thì ông B đã đưa 9 cây vàng 9999 cho bà Thòong M1 và cho bà Dương Thị M2, Thòong M1 mỗi người 1 cây. Số vàng còn lại là 7 cây, ông B và 2 bà M2 mang đi bán được 226.000.000đ, đưa hết cho bà Dương Thị M2 gửi Ngân hàng để hàng năm lấy lãi chia cho 3 anh em. Nguồn gốc số vàng này là ông B làm chung với cụ S và có gửi số vàng này cho cụ S giữ, đây là tài sản riêng của ông B dành dụm, mục đích số tiền này để lo xây mộ cho cha mẹ. Nay ông B phản tố yêu cầu đòi lại số tiền trên thì bà không có ý kiến gì.

Anh Dương Anh T1: Anh là con trai của ông B và là cháu nội của cụ S, hiện đang sinh sống trên phần đất tranh chấp, đồng thời là người trong hộ gia đình cụ S tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng các thửa đất tranh chấp. Anh không có yêu cầu độc lập và cũng không có ý kiến gì trong vụ án, yêu cầu được xét xử vắng mặt. Vào tháng 08/2017, vợ chồng anh có xây dựng 01 kios trên thửa đất 152 và không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Chị Dương Ngọc H1: Chị là con gái của ông B và là cháu nội của cụ S, là người trong hộ gia đình cụ S tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng các thửa đất số 116, 117, 152, 377, tờ bản đồ số 29, xã X4. Những thửa đất tranh chấp này thuộc quyền sử dụng của cụ S, do cụ S khai phá. Trước khi cụ S mất thì có gọi chị đến viết giấy ủy quyền để lại tài sản cho vợ chồng ông B và anh T1 nhưng chưa kịp làm thủ tục. Chị không đồng ý với toàn bộ yêu cầu chia thừa kế vì đất này cụ S có nguyện vọng để cho anh T1 thờ cúng tổ tiên. Chị không có yêu cầu độc lập và không còn ý kiến nào khác.

Anh Dương Anh P1: Anh là con trai của ông B và là cháu nội của cụ S, là người trong hộ gia đình cụ S tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng các thửa đất tranh chấp. Anh không có yêu cầu độc lập và cũng không có ý kiến gì trong vụ án, yêu cầu được xét xử vắng mặt.

Anh Dương, Anh D1: Anh là con trai của ông B và là cháu nội của cụ S, là người trong hộ gia đình cụ S tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng các thửa đất tranh chấp. Anh cho rằng, nguồn gốc đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của cụ S, cụ là người quản lý và trực tiếp canh tác. Năm 2002, ông B mới vào làm cùng nhà máy xay xát với cụ. Anh không có yêu cầu độc lập và cũng không có ý kiến gì trong vụ án, yêu cầu được xét xử vắng mặt.

Ông Nguyễn M3 và bà Ngô Thị L2: Vào năm 1994, ông bà nhận chuyển nhượng của cụ S diện tích ngang 10m dài 25m, đã được tách thửa và cấp GCNQSDĐ năm 1999. Ông bà không có yêu cầu độc lập và cũng không có ý kiến gì trong vụ án, yêu cầu được xét xử vắng mặt. Ngoài ra, ông M3 còn là trưởng ấp

X3, biết rất rõ về nguồn gốc đất tranh chấp là do cụ S khai phá và cụ S là người trực tiếp sử dụng đất, đến năm 2002 thì ông B mới vào làm chung nhà máy xay xát với cụ S.

Ông Lê Gia Q và bà Phạm Thị T2: Vào ngày 03/4/2001, ông bà nhận chuyển nhượng của cụ S diện tích đất hình L (ngang 6m dài 30m + ngang 11m dài 14m) bằng giấy tay, có xác nhận của chính quyền địa phương. Đến ngày 23/4/2008, ông bà chuyển nhượng lại cho cho ông Dương Thanh L1 và bà Nguyễn Thị Hồng C2 phần đất này. Nay ông bà không có yêu cầu độc lập và cũng không có ý kiến gì trong vụ án, yêu cầu được xét xử vắng mặt.

Ông Dương Thanh L1 và bà Nguyễn Thị Hồng C2: Vào ngày 23/4/2008, ông bà nhận chuyển nhượng của ông Q, bà T2 diện tích đất hình L (ngang 6m dài 30m + ngang 11m dài 14m) bằng giấy tay, có xác nhận của cụ S, vợ chồng ông Q có giao cho ông bà giấy sang nhượng đất ngày 03/4/2001. Hiện nay một phần thửa đất này lại cấp nhầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Thòong M1. Hai bên đang làm thủ tục điều chỉnh lại, phần đất này nằm trong thửa 152. Ông bà không có yêu cầu độc lập trong vụ án, yêu cầu được xét xử vắng mặt.

Ông Trần Văn C1 và bà Nguyễn Thị P2: Vào ngày 16/11/1997, ông bà nhận chuyển nhượng của cụ S diện tích đất ngang 6m dài 40m, là một phần thửa số 377, chưa được tách thửa. Ông bà không có yêu cầu độc lập và cũng không có ý kiến gì trong vụ án, yêu cầu được xét xử vắng mặt.

Ông Tìn Nhộc D2: Ông là chồng của bà Thòong M1, vào năm 2002, ông và bà Thòong M1 nhận chuyển nhượng của cụ S diện tích đất ngang 1m ngang dài 40m, là một phần thửa số 152, chưa được tách thửa, giáp với thửa 153 mà vợ chồng ông đang sử dụng. Giữa hai bên không làm giấy tờ chuyển nhượng vì là mẹ con nên tin tưởng nhau, giá chuyển nhượng là 02 cây vàng. Nay việc giải quyết vụ án này không ảnh hưởng đến quyền lợi nên ông không có ý kiến gì, yêu cầu được xét xử vắng mặt.

Chị Ìn Nhộc V và chị Dương Ngọc H2: Không có lời khai.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2017/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện X5 căn cứ các Điều 5; 26; 147; 200; 227; 228; 266; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 357; 610; 611; 612; 613; 620; 649; 650; 651; 660; 688 và Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng án lệ số 05 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06/4/2016;

- Áp dụng khoản 5, khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 28, khoản 1 Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thòong M1, chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Dương Thị M2 đối với ông Dương Quan B về việc tranh chấp thừa kế di sản.

1.1/ Xác định cụ Thòong S chết ngày 07/02/2012 không để lại di chúc.

1.2/ Xác định những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Thòong S gồm: Ông Dương Quan B, bà Dương Thị M2 và bà Thòong M1.

1.3/ Di sản thừa kế của cụ Thòong S để lại là diện tích đất 6900,8m^2 (đã trừ đi 3,1m^2 thu hồi) đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng tại các thửa đất số 116, 117, 152, 377, tờ bản đồ số 29, xã X4, huyện X5, tỉnh Đồng Nai (phần đất được giới hạn bởi các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 1 theo bản trích lục và đo vẽ thửa đất bản đồ địa chính số 5840/2017 ngày 03/7/2017 và công văn số 609/VPĐK.TB về việc đính chính nội dung bản vẽ ngày 08/9/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh X5) và tài sản gắn liền với đất (gồm 01 căn nhà ở cấp 4, 01 nhà máy xay xát (nhà xưởng, máy móc, thiết bị đã qua sử dụng)). Tổng trị giá của di sản thừa kế là 4.082.631.200đ.

Tiến hành chia theo pháp luật như sau:

1.4/ Ông Dương Quan B được quyền sử dụng diện tích đất 6.900,8m^2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng tại các thửa đất số 116, 117, 152, 377, tờ bản đồ số 29, xã X4, huyện X5, tỉnh Đồng Nai (phần đất được giới hạn bởi các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 1 theo bản trích lục và đo vẽ thửa đất bản đồ địa chính số 5840/2017 ngày 03/7/2017, công văn số 609/VPĐK.TB về việc đính chính nội dung bản vẽ ngày 08/9/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh X5) và tài sản gắn liền với đất (gồm 01 căn nhà ở cấp 4, 01 nhà máy xay xát (nhà xưởng, máy móc, thiết bị đã qua sử dụng)).

Ông B có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký sang tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và kê khai cấp quyền sở hữu nhà theo quy định pháp luật

1.5/ Ông Dương Quan B phải thanh toán cho bà Thòong M1 số tiền 1.627.000.000đ (Một tỷ sáu trăm hai mươi bảy triệu đồng) và phải thanh toán cho bà Dương Thị M2 số tiền 375.000.000đ (Ba trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

Kể từ khi bà Thòong M1 và bà Dương Thị M2 có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền trên, nếu ông Dương Quan B chậm thi hành án thì phải trả lãi đối

với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Dương Quan B đối với bà Thòong M1 về việc "Kiện đòi lại tài sản".

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng và án phí.

- Ngày 05/12/2017, bị đơn ông Dương Quan B kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm, ông yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thòong M1 và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị M2.

Tại phiên tòa, ông B giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phát biểu:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Đối với yêu cầu khởi kiện: Căn cứ vào lời khai của các đương sự, hồ sơ kê khai xin cấp quyền sử dụng các thửa đất 116, 117, 152, 377, tờ bản đồ số 29, xã X4, Ủy ban nhân dân huyện X5 không xác định được hộ bà Thòong S có bao nhiêu nhân khẩu. Do đó, quyền sử dụng diện tích đất 6.900,8m^2 là di sản của cụ S để lại. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ S gồm 03 người là ông Dương Quan B, bà Dương Thị M2 và bà Thòong M1. Cụ S chết không để lại di chúc nên yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ chấp nhận. Bà Dương Thị M2 chỉ yêu cầu được nhận 375.000.000đ và đồng ý chia phần còn lại cho bà Thòong M1 và ông Dương Quan B. Bà Thòong M1 và bà Dương Thị M2 đồng ý chia 1/3 suất thừa kế để tính công sức đóng góp cho ông B, bà Thòong M1 yêu cầu được nhận giá trị tài sản. Căn cứ theo chứng thư thẩm định giá thì ông B được nhận di sản thừa kế bằng toàn bộ hiện vật và ông B có nghĩa vụ trả cho bà Thòong M1 số tiền 1.627.002.756đ, và bà Dương Thị M2 số tiền 375.000.000đ.

Đối với yêu cầu phản tố: Ông B cho rằng số tiền 226.000.000đ là tiền của ông làm ra đưa cho cụ S mua vàng cất giữ. Lời khai này không được bà Thòong M1 và bà Dương Thị M2 thừa nhận.

Ông Dương Quan B kháng cáo nhưng không cung cấp thêm chứng cứ mới nào khác nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Đơn kháng cáo của ông B làm trong hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Quyết định xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bà Dương Thị M2 và bà Thòong M1 nhưng những người này có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Dương Thị M2 và bà Thòong M1.

Đối với những người có quyền, nghĩa vụ liên quan là anh Dương Anh T1, chị Ìn Nhọc V, chị Dương Ngọc H1, chị Dương Ngọc H2, anh Dương Anh P1, anh Dương Anh D1, ông Trần Văn C1, bà Nguyễn Thị P2, bà Phạm Thị T2, ông Dương Thanh L1, bà Nguyễn Thị Hồng C2, ông Nguyễn M3, bà Nguyễn Thị L2, ông Tìn Nhộc D2 mặc dù hồ sơ thể hiện những người này được tiêu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng vắng mặt, tuy nhiên yêu cầu kháng cáo của ông Dương Quan B không liên quan đến những người này, căn cứ Điều 294, 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trên.

[2] Về quan hệ pháp luật và tư cách đương sự: Tòa án cấp sơ thẩm xác định là đúng và đầy đủ tư cách của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Bà Thòong M1 và bà Dương Thị M2 có yêu cầu chia di sản thừa kế; ông Dương Quan B có yêu cầu phản tố, yêu cầu bà Thòong M1 trả lại cho ông số tiền 226.000.000 đồng do bà M2 quản lý, do vậy xác định quan hệ pháp luật là "tranh chấp di sản thừa kế" và "kiện đòi tài sản".

[3] Xét kháng cáo của bị đơn: ông Dương Quan B kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thòong M1 và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị M2.

Hồ sơ thể hiện:

[3.1] Về thời hiệu khởi kiện:

+ Vợ chồng cụ Dương Ven C3 (chết năm 1970) và cụ Thòong S (chết ngày 07/02/2012), có 04 người con là Dương Quan B, Dương Thị M2, Thòong M1 và một người em nữa không nhớ tên, đã chết năm 1975 khi 10 tuổi.

+ Các đương sự trong vụ án đều thống nhất tài sản tranh chấp có nguồn gốc là Cụ S khai phá năm 1972, lúc đó Cụ C3 đã chết. Do vậy xác định di sản thừa kế là của cụ S để lại. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế là 30 năm đối với bất động sản kể từ thời điểm mở thừa kế", cụ S chết ngày 07/02/2012, ngày 04/4/2014, bà Thòong M1 khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của Cụ S là đất và tài sản trên đất nên thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế của cụ S vẫn còn. Thời điểm mở thừa kế được

xác định sau khi cụ S chết, tức ngày 07/02/2012.

+ Ông Dương Quan B và các con cho rằng trước khi chết cụ S có lập di chúc bằng miệng nhưng không được nguyên đơn và và bà Dương Thị M2 thừa nhận, không có chứng cứ chứng minh. Do vậy xác định cụ S chết không để lại di chúc nên di sản của cụ được chia theo pháp luật.

[3.2] Về hàng thừa kế: vợ chồng cụ S có 4 người con, 1 người đã chết lúc còn nhỏ (trước khi cụ S chết). Hiện còn lại ông Dương Quan B, bà Thòong M1 và bà Dương Thị M2.

Ngoài ra, ông B khai cụ S còn có 02 người con riêng với người chồng trước, một người tên Làu Cóng Minh (tức sáng), một người tên Lài, ông cung cấp địa chỉ tại Thôn Xay Lang Khê, xã Lang Khê, huyện Quảng Hà, tỉnh Quảng Ninh (nay thuộc thôn 1 và thôn 2, xã Quảng Thịnh, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh). Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa chỉ trên nhưng không có kết quả. Ông B cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác để xác định cụ S còn có 02 người con riêng, đối với bà Thòong M1 và bà Dương Thị M2 không thừa nhận việc cụ S có 2 con riêng. Như vậy, xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ S có 03 người con là ông Dương Quan B, bà Dương Thị M2 và bà Thòong M1.

[3.3] Về xác định di sản thừa kế: các đương sự đều thống nhất sau khi cụ S chết, di sản cụ để lại gồm:

- Về đất: thửa đất số 116, 117 và một phần thửa 152 tờ bản đồ số 29, tại xã X4, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai, được UBND huyện Thống Nhất cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Thòong S ngày 03/7/2001 (vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02268/QSDĐ/QĐ 1321/QĐ-UBH), và thửa đất số 377 tờ bản đồ số 29 tại xã X4, huyện X5, tỉnh Đồng Nai, được UBND huyện X5 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Thòong S ngày 11/6/2004 (vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04112/QSDĐ/số 1273/QĐ-UBH) (các thửa đất trên liền kề nhau), có tổng diện tích 6.900,8m^2 (đã trừ đi 3,1m^2 thu hồi), được giới hạn bởi các điểm 1, 2, 3… 20, 21, 22, 1 theo trích lục và đo vẽ thửa đất bản đồ địa chính số 5840/2017 ngày 03/7/2017, và công văn số 609/VPĐK.TB về việc đính chính nội dung bản vẽ ngày 8/9/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh X5.

- Tài sản gắn liền với đất: là 01 căn nhà ở cấp 4, 01 nhà máy xay xát, được xác định (nằm trên thửa đất số 152, tờ bản đồ số 29, xã X4, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai). Toàn bộ tài sản trên hiện do gia đình ông B đang quản lý, sử dụng, được định giá là **4.082.631.200đ.**

- Quá trình làm việc tại Tòa án, lúc đầu ông Dương Quan B thừa nhận những tài sản trên là của Cụ S để lại. Nhưng sau đó ông B cho rằng, các thửa đất nói trên

thuộc quyền sử dụng của Hộ gia đình, vì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho "Hộ bà Thòong S".

Sổ hộ khẩu hộ Cụ Thòong S cấp năm 1995 (BL 293 – 295) gồm: Cụ Thòong S (chủ hộ), ông Dương Quan B, bà Dương Thị M2, bà Vy Thị M3 (vợ ông B), và các con ông B gồm: Dương Chắn Phúc (bỏ địa phương đi), Dương Ngọc H2, Dương Anh T1, Dương Anh P1, Dương Anh D1, Tín A Mệnh, Tín Nhật Minh.

Bà Vy Thị M3 (vợ ông B) cho rằng đây là tài sản chung của hộ gia đình còn lại những thành viên khác trong hộ đều xác định đất và tài sản trên đất là của cụ S (trừ chị H2 không có lời khai), không ai có yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Tòa án đã xác minh ở địa phương (BL 329) và lời khai của ông Nguyễn M3 - là trưởng ấp X3, xã X4 (BL 330) thể hiện năm 1972 cụ S là người khai phá và trực tiếp canh tác trên đất. Vào năm 2002, khi cụ S xây dựng nhà máy xay xát thì ông B mới vào làm chung. Quá trình sử dụng đất, cụ S là người đứng ra chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất, chỉ có cụ S và các con là B và bà Thòong M1, Dương Thị M2 ký giấy, các thành viên trong hộ gia đình (là vợ và các con ông B) không ký vào giấy tờ và cũng không có ý kiến gì. Tại phiên tòa phúc thẩm bà Vy Thị M3 khai bà và các con chỉ đăng ký hộ khẩu tại hộ cụ S, còn thực chất bà và các con sống ở X5 (tại thửa đất số 187). Còn ông B thì làm nhà máy xay xát lúa với cụ S và sống tại đây. Ngoài ra, tại biên bản xác minh về trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận tại địa phương cho thấy, thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ S còn cấp đại trà, chủ yếu là cấp cho hộ gia đình mà không xác minh về thực trạng sử dụng đất. Như vậy lời trình bày của ông B và bà M3 cho rằng đất cấp cho hộ gia đình ông B, bà M3 là không có cơ sở nên không chấp nhận. Như vậy đã có đủ cơ sở xác định thửa đất số 116, 117, 152, 377, tờ bản đồ số 29, xã X4 là của cụ Thòong S, cũng chính là di sản thừa kế của cụ S.

Khi còn sống cụ S đã chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất cho một số người, bà Thòong M1 và bà Dương Thị M2 không tranh chấp, không yêu cầu chia thừa kế, ông B không có yêu cầu phản tố và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Như vậy, qua đo đạc thực tế diện tích đất 6.900,8m^2 (đã trừ diện tích đất 3,1m^2 thu hồi), phần đất giới hạn bởi các điểm (1, 2, 3… 20, 21, 22, 1) thuộc thửa đất số 116, 117, 152, 377, tờ bản đồ số 29 xã X4 được xác định là di sản thừa kế. Các thửa đất này (117, 152, 377) có 02 dự án đường điện 500KV đi ngang qua làm hạn chế quyền sử dụng đất và thu hồi 3,1m^2 (thuộc thửa 152). Ông B đã nhận tổng số tiền 44.913.800đ về việc hỗ trợ đối với phần diện tích đất bị hạn chế về quyền sử dụng đất và bồi thường thu hồi đất. Toàn bộ phần diện tích đất bị hạn chế quyền sử

dụng, không làm mất đi quyền sử dụng đất nên vẫn xác định diện tích đất này là di sản và tiến hành chia theo pháp luật. Đối với phần đất bị thu hồi thì bà Thòong M1 và bà Dương Thị M2 không yêu cầu chia nên được trừ trị giá trước khi tiến hành chia, tương đương với số tiền 1.612.000đ (3,1m^2 x 520.000đ/1m^2).

Giá trị đất được định giá là **3.849.336.000đ** (đã trừ trị giá 1.612.000đ của 3,1m^2 đất thu hồi) .

(Tất cả các điểm mốc giới hạn, diện tích trên đều theo bản trích lục và đo vẽ thửa đất bản đồ địa chính số 5840/2017 ngày 03/7/2017 và công văn số 609/VPĐK.TB về việc đính chính nội dung bản vẽ ngày 8/9/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh X5).

- Tài sản gắn liền với đất: gồm 01 căn nhà ở cấp 4, 01 nhà máy xay xát (gồm nhà xưởng, máy móc, thiết bị đã qua sử dụng), là di sản của cụ S để lại.

- Đối với cây trồng trên đất, bà Thòong M1 và bà Dương Thị M2 không yêu cầu chia thừa kế, các đương sự khác cũng không có ý kiến về việc này nên không xem xét.

[3.4] Về công sức đóng góp cho việc bảo quản di sản: Sau khi cụ S chết, ông B, bà M3 và vợ chồng anh T1 đã quản lý di sản. Tuy ông B không có yêu cầu xem xét về công sức đóng góp vì ông không đồng ý chia thừa kế. Như vậy, yêu cầu của ông B đề nghị xác định quyền lợi là lớn hơn yêu cầu xem xét về công sức. Từ đó, áp dụng án lệ số 05 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06/4/2016, cần xem xét đến công sức tôn tạo và quản lý di sản của ông B.

+ Đối với công sức về quản lý di sản: Tại phiên tòa, ông B khaiịnh ngoài công việc tại nhà máy xay xát thì ông không làm công việc nào khác để có thêm thu nhập. Do đó, ông B ở trên nhà đất tranh chấp và có hoạt động khai thác nhà máy xay lúa, canh tác trên đất là được lợi cho mình. Trường hợp ông B không quản lý di sản thì sẽ có bà Thòong M1 trông coi vì nhà ở sát bên. Vì vậy, không có cơ sở xem xét tính công sức về quản lý di sản.

+ Đối với công sức tôn tạo di sản: Quá trình sử dụng, vợ chồng ông B có lợp lại mái tôn và sửa chữa, thay thế thiết bị máy móc của nhà máy xay xát, vợ chồng anh T1 có xây dựng một kios trên đất. Bà Thòong M1 và bà Dương Thị M2 thừa nhận về việc này, hai bà đồng ý chia 1/3 suất thừa kế để tính công sức tôn tạo tài sản cho ông B. Xét sự tự nguyện này là phù hợp với quy định của pháp luật và có lợi cho ông B nên ghi nhận.

Đối với quyền lợi của bà M3 và vợ chồng anh T1 sẽ được tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[3.5] Về xác định kỷ phần chia thừa kế, tỷ lệ và giá trị phần di sản:

- Về việc xác định kỷ phần chia thừa kế: ông Dương Quan B, bà Thòong M1 và bà Dương Thị M2 đều là con ruột của cụ S nên được chia kỷ phần bằng nhau.

- Về cách thức chia di sản: Toàn bộ di sản thừa kế hiện do ông B cùng vợ và con cháu đang quản lý, sử dụng. Do mâu thuẫn giữa các bên gay gắt không thể sống gần nhau, bà Thòong M1 và bà Dương Thị M2 yêu cầu không chia bằng hiện vật mà chia giá trị tương ứng phần di sản mà họ được nhận. Yêu cầu của bà Thòong M1 và bà Dương Thị M2 là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận. Giao cho ông Dương Quan B được quyền quản lý, sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, ông B có nghĩa vụ thanh toán tiền cho bà Thòong M1 và bà Dương Thị M2 theo kỷ phần được chia.

- Theo kết quả thẩm định giá, trị giá quyền sử dụng đất là **3.849.336.000đ** (đã trừ trị giá 1.612.000đ của 3,1m^2 đất thu hồi); trị giá căn nhà cấp 4 là **149.349.200đ**; trị giá nhà máy xay xát (gồm: nhà xưởng và máy móc thiết bị đã qua sử dụng) là **83.946.000đ**. Tổng giá trị di sản của cụ S để lại là **4.082.631.200đ,** trừ đi 1/3 suất thừa kế là công sức tôn tạo di sản của ông B là 453.625.688đ (4.082.631.200đ x 1/3 : 3). Như vậy, chia cho ba suất mỗi suất thừa kế có trị giá là **1.209.668.504đ** (4.082.631.200đ - 453.625.688đ : 3).

Bà Dương Thị M2 chỉ yêu cầu được chia trị giá 01 lô đất ngang 5m dài 30m, thuộc thửa 152 có trị giá là 375.000.000đ theo chứng thư thẩm định giá, phần di sản còn lại bà từ chối nhận nên được chia đều cho bà Thòong M1 và ông B. Như vậy bà Thòong M1 và ông B mỗi người được nhận ½ kỷ phần còn lại. Do ông B được nhận di sản thừa kế bằng toàn bộ hiện vật nên ông B phải có trách nhiệm thanh toán cho bà Dương Thị M2 số tiền 375.000.000đ, thanh toán cho bà Thòong M1 số tiền 1.627.002.756đ (1.209.668.504đ + (1.209.668.504đ – 375.000.000đ : 2)), được làm tròn số là 1.627.000.000đ.

Đối với những di sản khác, các đương sự không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Những người được hưởng di sản thừa kế phải chịu án phí tương ứng với giá trị phần di sản mà họ được chia. Riêng ông B là người cao tuổi (60 tuổi) nên được miễn toàn bộ án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Cụ thể: Bà Thòong M1 phải chịu 5% án phí trên số tiền được chia là (1.627.000.000đ – 800.000.000đ) x 3% + 36.000.000đ = 60.810.000đ.

Bà Dương Thị M2 phải chịu 5% án phí trên số tiền được chia là 375.000.000đ x 5% = 18.750.000đ.

[5] Về chi phí tố tụng: Tại cấp sơ thẩm bà Thòong M1 tự nguyện chịu những khoản tiền này nên ghi nhận.

[6] Về áp dụng pháp luật: Do nội dung tranh chấp của vụ án này đang được thực hiện, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên theo quy định tại Điều 688 về Điều khoản chuyển tiếp thì áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 294, Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của ông Dương Quan B, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 27/2018/DS -ST ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện X5.

- Áp dụng các Điều 357; 610; 611; 612; 613; 620; 649; 650; 651; 660; 688 và Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015; án lệ số 05 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06/4/2016; khoản 5, khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 28, khoản 1 Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Thòong M1; chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Dương Thị M2 về việc chia thừa kế.

1.1. Xác định cụ Thòong S chết ngày 07/02/2012 không để lại di chúc.

1.2. Xác định những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Thòong S gồm: Ông Dương Quan B, bà Dương Thị M2 và bà Thòong M1.

1.3. Di sản thừa kế của cụ Thòong S gồm có các thửa đất số 116, 117 và một phần thửa 152 tờ bản đồ số 29, tại xã X4, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai (đất được UBND huyện Thống Nhất cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Thòong S ngày 03/7/2001, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02268/QSDĐ/QĐ 1321/QĐ-UBH), và thửa đất số 377 tờ bản đồ số 29 tại xã X4, huyện X5, tỉnh Đồng Nai (đất được UBND huyện X5 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Thòong S ngày 11/6/2004, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04112/QSDĐ/số 1273/QĐ-UBH) (các thửa đất trên liền kề nhau); có tổng diện tích 6900,8m^2 (đã trừ đi 3,1m^2 thu hồi), được giới hạn bởi các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 1 theo bản trích lục và đo vẽ thửa đất bản đồ địa chính số 5840/2017 ngày 03/7/2017 và

công văn số 609/VPĐK.TB về việc đính chính nội dung bản vẽ ngày 08/9/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh X5; cùng tài sản gắn liền với đất là 01 căn nhà ở cấp 4, 01 nhà máy xay xát (nhà xưởng, máy móc, thiết bị đã qua sử dụng).

Tổng trị giá của di sản thừa kế được xác định là **4.082.631.200đ**, khấu trừ công sức đóng góp tôn tạo di sản cho ông B là 453.625.688 đồng, giá trị tài sản còn lại đưa vào chia di sản thừa kế là **3.629.000.000** đồng.

2. Tiến hành chia theo pháp luật như sau:

2.1. Giao cho ông Dương Quan B được quyền quản lý, sử dụng các thửa đất số 116, 117 và một phần thửa 152 tờ bản đồ số 29, tại xã X4, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai (đất được UBND huyện Thống Nhất cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Thòong S ngày 03/7/2001, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02268/QSDĐ/QĐ 1321/QĐ-UBH), và thửa đất số 377 tờ bản đồ số 29 tại xã X4, huyện X5, tỉnh Đồng Nai (đất được UBND huyện X5 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Thòong S ngày 11/6/2004, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04112/QSDĐ/số 1273/QĐ-UBH) (các thửa đất trên liền kề nhau); có tổng diện tích 6900,8m^2 (đã trừ đi 3,1m^2 thu hồi), được giới hạn bởi các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 1 theo bản trích lục và đo vẽ thửa đất bản đồ địa chính số 5840/2017 ngày 03/7/2017 và công văn số 609/VPĐK.TB về việc đính chính nội dung bản vẽ ngày 08/9/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh X5; cùng tài sản gắn liền với đất là 01 căn nhà ở cấp 4, 01 nhà máy xay xát (nhà xưởng, máy móc, thiết bị đã qua sử dụng), tổng giá trị tài sản là **4.082.631.200đ**.

Ông Dương Quan B có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký, chỉnh lý biến động quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo quy định pháp luật.

2.2. Ông Dương Quan B phải thanh toán cho bà Thòong M1 số tiền 1.627.000.000đ (một tỷ sáu trăm hai mươi bảy triệu đồng).

2.3. Ông Dương Quan B phải thanh toán cho bà Dương Thị M2 số tiền 375.000.000đ (ba trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Dương Quan B đối với bà Thòong M1 về việc kiện đòi số tiền 226.000.000 đồng.

4. Về án phí, chi phí tố tụng:

+ Án phí sơ thẩm:

4.1. Bà Thòong M1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 60.810.000đ, được trừ vào số tiền 4.150.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 009772 ngày 10/6/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X5, Bà Thòong M1 còn phải nộp

tiếp số tiền 56.660.000đ (năm mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4.2. Bà Dương Thị M2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 18.750.000đ (Mười tám triệu bảy trăm lăm mươi nghìn đồng), được trừ vào số tiền 2.500.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 006643 ngày 01/9/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X5; Bà Dương Thị M2 còn phải nộp tiếp số tiền 16.250.000đ (Mười sáu triệu hai trăm lăm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4.3. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Dương Quan B. Ông Dương Quan B được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 2.825.000đ theo biên lai thu số 000293 ngày 02/12/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X5.

+ *Án phí phúc thẩm*:

Miễn án phí phúc thẩm cho ông Dương Quan B.

+ *Về chi phí tố tụng*:

Bà Thòong M1 tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng (đã nộp và quyết toán xong).

5. *Nghĩa vụ chậm thi hành án:*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-Viện kiểm sát tỉnh (01);
-Tòa án H. X5 (01);
-Viện kiểm sát H. X5 (01);
-Thi hành án H. X5 (01);
-Đương sự;
-Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Kim Rết